

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
SỞ TƯ PHÁP		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
Số: 295/BC-STP		Tuyên Quang, ngày 01 tháng 12 năm 2020	
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ LĨNH VỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ NĂM 2020			
Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.			
TT	Nội dung/tiêu chí	Đơn vị tính	Số liệu
MỤC 1.	THÔNG TIN CHUNG		
1	Quý báo cáo	Năm 2020	Năm 2020
2	Tên cơ quan báo cáo	Sở Tư pháp	
3	Địa chỉ trụ sở của đơn vị		
4	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức của đơn vị	www.tuphaptuyenquang.gov.vn	
5	Phạm vi đánh giá ứng dụng CNTT <i>Các cơ quan nhà nước (CQNN) của tỉnh trong phạm vi thống kê (a) bao gồm: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi chung là CQNN cấp tỉnh); Văn phòng UBND, các đơn vị thuộc UBND các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); Văn phòng UBND các phường, xã, thị trấn trực thuộc huyện (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); (b) không bao gồm: các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội của tỉnh; các cơ quan sự nghiệp thuộc UBND; các cơ quan sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành; các cơ quan trung ương, tổng cục, cục, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh hoặc đóna trên địa bàn tỉnh.</i>		
5.1	Số lượng đơn vị trực thuộc	đơn vị	3
5.2	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị (viết tắt CBCCVC)	người	47
	- Số lượng CBCC	người	21
	- Số lượng Viên chức	người	26
MỤC 2.	HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT		
	<i>Cung cấp thông tin chi tiết tại Bảng "2.HatangCNTT"</i>		
MỤC 3.	ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC		
	<i>Cung cấp thông tin chi tiết tại Bảng "3.UDCNTT"</i>		
MỤC 4	TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HOẶC CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ		
	<i>Cung cấp thông tin chi tiết tại Bảng "4.Website"</i>		

MỤC 2. HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT				
TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phản khai báo số liệu b	
			Số liệu	Chi tiết làm rõ
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	<i>Trang bị máy tính (bao gồm máy tính để bàn, xách tay, máy tính bảng)</i>			
	- Tổng số máy tính tại đơn vị:	<i>chiếc</i>	67	
	- Tỷ lệ máy tính/CBCC:	%	139.6	
	- Tổng số CBCC tại đơn vị được trang bị máy tính:	<i>người</i>	47	
	- Tỷ lệ CBCC tại đơn vị được trang bị máy tính:	%	100	
2	<i>Cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền có trả phí:</i>			
	- Tổng số máy tính được cài đặt tại đơn vị:	<i>chiếc</i>	30	
	- Tỷ lệ máy tính được cài đặt:	%	44.8	
3	<i>Mạng cục bộ (LAN - Local Area Network):</i>			
	Đơn vị đã có mạng cục bộ LAN hay chưa?			
	1/0 (1: Có; 0: Không)		1	
4	<i>Kết nối mạng Internet</i>			
	-Số máy tính kết nối Internet tại đơn vị		63	
	-Tỷ lệ máy tính kết nối Internet trên tổng số máy tính tại đơn vị	%	94	

MỤC 3. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phân khai
			Số liệu
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Hệ thống thư điện tử <i>Là hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước của tỉnh triển khai phục vụ công việc cho CBCC, với tên miền tuyenquang.gov.vn</i>		
	- Số lượng CBCC của đơn vị được cấp tài khoản thư điện tử chính thức:	<i>người</i>	42
	- Tỷ lệ CBCC của đơn vị được cấp tài khoản thư điện tử chính thức:	<i>%</i>	89.4
2	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVBĐH)		
2.1	Hiện trạng triển khai		
	Hiện trạng triển khai Hệ thống QLVBĐH của đơn vị thuộc trường hợp nào sau đây		
	Trường hợp 1: Đơn vị chỉ có một Hệ thống QLVBĐH dùng chung	<i>1/0</i> <i>(1: Có;</i> <i>0: Không)</i>	1
	Trường hợp 2: Đơn vị có nhiều hệ thống QLVBĐH (có thể là các Hệ thống QLVBĐH dùng chung, dùng riêng)	<i>1/0</i> <i>(1: Có;</i> <i>0: Không)</i>	
	- Tổng số đơn vị trực thuộc của cơ quan sử dụng Hệ thống QLVBĐH (có thể là các Hệ thống QLVBĐH dùng chung, dùng riêng)	<i>cơ quan</i>	3
	- Tỷ lệ đơn vị trực thuộc của cơ quan sử dụng Hệ thống QLVBĐH	<i>%</i>	100
2.2	Thông tin phục vụ đánh giá hiệu quả sử dụng Hệ thống QLVBĐH		
	- Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của đơn vị	<i>văn bản</i>	9,245
	- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của đơn vị hoàn toàn dưới dạng điện tử	<i>%</i>	93.5
	- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của đơn vị dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	<i>%</i>	6.5
3	Ứng dụng chữ ký số		
	Trang bị chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp		

	- Tổng số người có thẩm quyền ký các văn bản của đơn vị (cán bộ lãnh đạo)	<i>người</i>	4
	- Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo được cấp chứng thư số	<i>%</i>	100
	- Tổng số CBCC của đơn vị (không tính cán bộ lãnh đạo nêu trên)	<i>người</i>	44
	- Tỷ lệ CBCC của đơn vị (không tính cán bộ lãnh đạo nêu trên) được cấp chứng thư số	<i>%</i>	11,6
4	<p>Các ứng dụng đã triển khai</p> <p><i>Ghi chú: Các đơn vị có thể triển khai nhiều ứng dụng</i></p> <p>- Ứng dụng cơ bản là ứng dụng phục vụ chung cho hoạt động quản lý và công tác quản trị nội bộ trong các CQNN của đơn vị (nhân sự, tài sản, kinh phí hoạt động...).</p> <p>- Ứng dụng chuyên ngành là ứng dụng nhằm thực hiện những công việc, nghiệp vụ chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước riêng của đơn vị</p>		
4.1	Ứng dụng cơ bản		
a	Quản lý nhân sự		
	1/0 (1: Có; 0: Chưa có)		1
b	Quản lý kế toán - tài chính		
	1/0 (1: Có; 0: Chưa có)		1
c	Quản lý tài sản		
	1/0 (1: Có; 0: Chưa có)		1
d	Quản lý Thi đua - Khen thưởng		
	1/0 (1: Có; 0: Chưa có)		0
đ	Các ứng dụng khác, nêu rõ tên ứng dụng		
4.2	Ứng dụng chuyên ngành	<i>Cung cấp danh sách các ứng dụng chuyên ngành tại Bảng PL3.A.1</i>	

5	<p>Hệ thống thông tin một cửa điện tử <i>Ghi chú: Hệ thống thông tin một cửa điện tử là hệ thống thông tin nội bộ có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống quản lý văn bản để xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh để đăng tải công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến.</i></p>		
5.1	- Đơn vị đã sử dụng Hệ thống một cửa điện tử chưa?	1/0 (1: Đã sử dụng; 0: Chưa sử dụng)	1
	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Hệ thống một cửa điện tử của đơn vị	%	100
5.2	Hiện trạng xử lý hồ sơ		
	- Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua phần mềm một cửa điện tử	hồ sơ	3,596
	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua phần mềm một cửa điện tử	%	100
	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn thông qua phần mềm một cửa điện tử	%	100
5.3	Việc kết nối giữa phần mềm một cửa điện tử với các hệ thống khác		
	- Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống quản lý văn bản để xử lý hồ sơ trên môi trường mạng	1/0 (1: Đã kết nối; 0: Chưa kết nối)	0
	- Kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công của tỉnh	1/0 (1: Đã kết nối; 0: Chưa kết nối)	1
6	Hợp qua truyền hình		
6.1	Hệ thống hội nghị truyền hình		
	Đơn vị có Hệ thống hội nghị truyền hình không	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
	Nếu có: Tổng số điểm kết nối	số điểm	1

6.2	Họp qua truyền hình giữa đơn vị với UBND tỉnh, CQNN cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã		
	Tổng số cuộc họp giữa đơn vị với các cơ quan trong năm	<i>cuộc họp</i>	0
	Tổng số cuộc họp qua truyền hình (theo mọi hình thức: trên Hệ thống hội nghị truyền hình, Web Conferencing, Video Conference,...) của đơn vị trong năm	<i>cuộc họp</i>	9
7	Hiện trạng về xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng (Giải thích tại Mục 10.5 -Sheet 10. Giải thích)		
	Tổng số hồ sơ công việc	<i>hồ sơ</i>	12,841
	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	<i>%</i>	100
8	Tỷ lệ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	<i>%</i>	100
9	Rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử		
	- Cho biết giảm được khoảng bao nhiêu % thời gian họp thông qua ứng dụng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử	<i>%</i>	80.7
	- Cho biết giảm được khoảng bao nhiêu % tài liệu giấy thông qua ứng dụng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử	<i>%</i>	93.02

báo số liệu báo cáo
<i>Ghi chú</i>
(5)
01 CC, 04 VC mới tuyển dụng chưa được cấp
không bao gồm VB mật
8.642/9.245
603/9.245

MỤC 4. TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HOẶC CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phân khai báo
			Số liệu
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Thông tin về Website/Portal của đơn vị		
1	Website/Portal của đơn vị có công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ không	1/0 (1: có; 0: không)	1
2	Số lượng truy cập trong năm (theo công cụ đếm số lần truy cập)	lần	753,580
3	Website/Portal của đơn vị đã sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6, DNSSEC chưa?	1/0 (1: Đã sử dụng; 0: chưa)	0
II	Số lượng tin, bài, văn bản đăng tải lên Website/Portal của đơn vị trong năm (tính từ 01/01/2020 đến 30/11/2020) :		
1	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	tin/bài	24
2	Thông tin chỉ đạo, điều hành		
a	Ý kiến chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố	tin/bài	0
b	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	tin/bài	3
c	Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan	tin/bài	0
d	Lịch làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (đăng tải theo tuần)	lần	0
3	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách		
a	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung	tin/bài	150
b	Chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	tin/bài	569
4	Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển		
a	Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực tại tỉnh, thành phố	tin/bài	0
b	Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư	tin/bài	0
c	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	tin/bài	0
b	Quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên	tin/bài	0
e	Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải	tin/bài	0
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan	văn bản	1662

6	Công báo điện tử	<i>bản</i>	0
7	Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân		0
a	Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách cần xin ý kiến	<i>văn bản</i>	3
b	Ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	<i>ý kiến</i>	0
8	Thông tin báo cáo thống kê	<i>tin/bài</i>	3
9	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	<i>chương trình/đề tài</i>	0
10	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	<i>tin/bài</i>	2
	Tổng số		

MỤC 4. CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

TT	Nội dung/tiêu chí	Đơn vị tính	Ph
			Số liệu
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thông tin về thủ tục hành chính và cổng dịch vụ công		
1.1	Tổng số thủ tục hành chính của đơn vị chủ trì thực hiện:	<i>thủ tục</i>	142
	- Tổng số thủ tục hành chính của đơn vị phải thực hiện trực tuyến:	<i>thủ tục</i>	52
	- Cung cấp quyết định của Lãnh đạo Tỉnh về nội dung này:	<i>thông tin kiểm chứng</i>	
	Trong đó: Số lượng thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng dữ liệu từ CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp: Tổng số thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng dữ liệu từ CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp:	<i>thủ tục</i>	0
1.2	Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị trong quý năm 2020	<i>hồ sơ</i>	3,596
1.3	- Tổng số DVCTT đã kết nối/tích hợp lên Cổng dịch vụ công của tỉnh:	<i>dịch vụ</i>	142
2	Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2:	<i>dịch vụ</i>	90
3	Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3:		
	- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3:	<i>dịch vụ</i>	12
	- Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết qua các DVCTT mức độ 3 trong quý năm 2020	<i>hồ sơ</i>	1
	- Tổng số DVCTT mức độ 3 xử lý bằng hồ sơ điện tử (Giải thích Mục 10.6, Sheet 10. Giaithich)	<i>dịch vụ</i>	
	- Tổng số DVCTT mức độ 3 được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	<i>dịch vụ</i>	0
	- Tổng số DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong quý I/2020	<i>dịch vụ</i>	1

	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 3 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến) từ trong năm:	<i>hồ sơ</i>	0
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện TTHC	<i>dịch vụ</i>	0
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 có biểu mẫu điện tử tự động nhập các thông tin mà người dân, doanh nghiệp (thông tin được tự động lấy từ thông tin đã khai báo trong lần sử dụng trước hoặc từ các cơ sở dữ liệu khác đã có)	<i>dịch vụ</i>	12
	- Số lượng DVCTT mức độ 3 đã kết nối và sử dụng dữ liệu từ CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp:	<i>dịch vụ</i>	0
	- Cung cấp danh sách các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại bảng "PL3A.2"		
4	<i>Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:</i>		
	- Tổng số DVCTT mức độ 4:	<i>dịch vụ</i>	40
	- Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết qua các DVCTT mức độ 4 trong năm:	<i>hồ sơ</i>	3,595
	- Tổng số DVCTT mức độ 4 xử lý bằng hồ sơ điện tử <i>(Giải thích Mục 10.6, Sheet 10. Giai thích)</i>	<i>dịch vụ</i>	40
	- Tổng số DVCTT mức độ 4 được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	<i>dịch vụ</i>	10
	- Tổng số DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến:	<i>dịch vụ</i>	6
	- Tổng số hồ sơ của các DVCTT mức độ 4 vẫn được người dân, doanh nghiệp gửi xử lý trực tiếp (hồ sơ không trực tuyến) từ trong năm:	<i>hồ sơ</i>	0
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 có thanh toán điện tử:	<i>dịch vụ</i>	18
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện TTHC	<i>dịch vụ</i>	0
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 có biểu mẫu điện tử tự động nhập các thông tin mà người dân, doanh nghiệp (thông tin được tự động lấy từ thông tin đã khai báo trong lần sử dụng trước hoặc lấy từ các cơ sở dữ liệu khác đã có):	<i>dịch vụ</i>	20
	- Số lượng DVCTT mức độ 4 đã kết nối và sử dụng dữ liệu từ CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp:	<i>dịch vụ</i>	0
	- Cung cấp danh sách các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại bảng "PL3A.3".		
5	Tổng số DVC có hỗ trợ hướng dẫn sử dụng, giải đáp thắc mắc cho người dân và doanh nghiệp: <i>(Giải thích tại Mục 10.7- Sheet 10. Giai thích)</i>	<i>dịch vụ</i>	142

6	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương <i>(Giải thích tại Mục10.8- Sheet10. Giải thích)</i>	%	
7	<i>Sử dụng giao thức https</i>		
	- Trang cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của đơn vị có sử dụng giao thức https không?	1/0 (1: Có; 0: Không)	1

Đề nghị khai báo số liệu báo cáo
<i>Ghi chú</i>
(5)
Quyết định số 846/QĐ-TTg; Quyết định số 877/QĐ-TTg; Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh.
Lĩnh vực Quốc tịch
<i>Ngành Tư pháp chưa có DVCTT được tích hợp trên Công Dịch vụ công quốc gia</i>
Lĩnh vực Quốc tịch

<i>Khai báo chi tiết các DVCTT mức độ 3 vào bảng " PL3A.2 "</i>
Lĩnh vực Lý lịch tư pháp; Công chứng; Tư vấn pháp luật
Hộ tịch; Lĩnh vực Lý lịch tư pháp; Công chứng.
có 18 DVCTT phải trả phí/ lệ phí
<i>Khai báo chi tiết các DVCTT mức độ 4 vào bảng " PL3A.3 "</i>

MỤC 6. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC QUY ĐỊNH CHO ỨNG DỤNG CNTT

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Số liệu
			(4)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	1/0 (1: Có; 0: Không)	0
2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm báo cáo	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
3	Báo cáo mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm báo cáo	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
4	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh	1/0 (1: Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định; 0: Không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định)	1
5	Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
6	Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
7	Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
8	Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
9	Quy chế vận hành và duy trì hoạt động cho trang thông tin điện tử, trang dịch vụ công trực tuyến	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
10	Quy định hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1/0 (1: Có; 0: Không)	1
11	Ban hành các văn bản gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	1/0 (1: Có; 0: Không)	1

12	Các báo cáo về ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử	<i>1/0</i> <i>(1: Có; 0: Không)</i>	1
13	Các văn bản khác liên quan đến ứng dụng CNTT	<i>1/0</i> <i>(1: Có; 0: Không)</i>	1

MỤC 7. NHÂN LỰC CHO ỨNG DỤNG CNTT

TT	Nội dung/tiêu chí	Đơn vị tính	Số liệu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
1	Nhân lực cho ứng dụng CNTT		
1.1	- Tổng số CBCC chuyên trách/phụ trách CNTT	người	1
	- Tỷ lệ/tổng số CBCC	%	2
	- Tổng số CBCC chuyên trách/phụ trách CNTT của đơn vị	người	
	- Tỷ lệ/tổng số CBCC	%	
1.2	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBCC chuyên trách/phụ trách CNTT, ATTT (văn bằng trong lĩnh vực CNTT):		
	Tiến sỹ:	người	0
	Thạc sỹ	người	0
	Cao đẳng	người	0
	Đại học:	người	1
	Trung cấp:	người	0
	Khác	người	0
	<i>Số lượng CBCC có chứng chỉ về An toàn bảo mật (CISSP, Security+, CISA, CISM...):</i>	<i>người</i>	<i>0</i>
	<i>Số lượng CBCC có các chứng chỉ về Quản trị mạng (MCSE, MCSA, CCNA, CCNP...):</i>	<i>người</i>	<i>0</i>
	<i>Số lượng CBCC có chứng chỉ về Quản trị cơ sở dữ liệu (MCDBA, OCA, OCM, OCP...):</i>	<i>người</i>	<i>0</i>
	<i>Khác (cung cấp thêm thông tin chi tiết tại cột ghi chú)</i>	<i>người</i>	<i>0</i>
1.6	Kỹ năng ứng dụng CNTT các CBCC trong đơn vị		
i	CBCC của đơn vị có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp		
	Tổng số CBCC của đơn vị có chứng chỉ	người	50
ii	Tỷ lệ CBCC của tỉnh có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp.		

	+ Tỷ lệ CBCC của đơn vị có chứng chỉ	%	100
iii	Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc		
	+ Tỷ lệ CBCC của đơn vị	%	100
iv	Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng Internet để xử lý công việc:		
	+ Tỷ lệ CBCC của đơn vị	%	100
2	Đào tạo về CNTT		
2.1	Đào tạo về CNTT cho CBCC chuyên trách, phụ trách CNTT của đơn vị		
	- Số lượng CBCC chuyên trách, phụ trách CNTT được đào tạo về CNTT trong năm	<i>người</i>	0
2.2	Đào tạo về CNTT cho CBCC của đơn vị		
	- Số lượng CBCC (không tính số lượng đã kê khai tại mục 2.1) được đào tạo về CNTT trong năm	<i>người</i>	0
	- Tỷ lệ CBCC được đào tạo	%	0

MỤC 10.
TT
10.1
10.2
10.3
10.4
10.5
10.6

10.7

10.8

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM

Giải thích từ ngữ, khái niệm

Trung tâm dữ liệu là một công trình xây dựng, bao gồm hạ tầng kỹ thuật (nhà trạm, hệ thống cáp) và hệ thống máy tính cùng các thiết bị phụ trợ được lắp đặt vào đó để lưu trữ, trao đổi và quản lý tập trung dữ liệu của một hay nhiều tổ chức, cá nhân (Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Trung tâm dữ liệu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hiện nay quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu)

Mô hình điện toán đám mây (cloud computing) là mô hình cung cấp các tài nguyên máy tính, tính toán, xử lý và lưu trữ dưới dạng dịch vụ thay vì dưới dạng sản phẩm, qua môi trường mạng, trong đó khách hàng có thể tự đặt được cấu hình theo nhu cầu. Các tài nguyên này bao gồm: hạ tầng (infrastructure), như: hệ thống mạng, phần cứng, máy tính, bộ lưu trữ,...; môi trường nền tảng (platform), như: hệ điều hành, phần mềm hệ thống, phần mềm công cụ, ...; phần mềm (software), như: phần mềm ứng dụng, tiện ích và ứng dụng máy tính khác.

LGSP – Local Government Service Platform: là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, cấp tỉnh chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan; đơn vị thuộc phạm vi một Bộ, ngành, địa phương và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của Bộ, ngành, địa phương với các hệ thống bên ngoài.

Nội dung về đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin được quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng:

- Hồ sơ công việc: Bao gồm toàn bộ các văn bản, tài liệu liên quan cần được tiếp nhận, xử lý khi thực hiện một công việc nào đó kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.

- Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng nghĩa là Hồ sơ được tiếp nhận hoàn toàn dưới dạng điện tử, được lưu chuyển, xử lý dưới dạng điện tử.

- Hồ sơ công việc ở đây bao gồm cả việc xử lý các hồ sơ thủ tục hành chính và việc xử lý công việc giữa các CQNN (ví dụ như xử lý các văn bản đi đến giữa các CQNN).

DVCTT được xử lý bằng hồ sơ điện tử được hiểu là

tất cả các thành phần hồ sơ TTHC được lưu chuyển, xử lý dưới dạng điện tử

Dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp” được hiểu là khi cung cấp DVC đó sẽ có những phương thức sẵn sàng, thuận tiện để kết nối với người dân và doanh nghiệp và giải đáp thắc mắc khi cần, các phương thức này gồm:

- Hướng dẫn trực tuyến (qua phần mềm);
- Hướng dẫn qua điện thoại (dịch vụ hỏi đáp qua điện thoại);
- Có bộ phận chăm sóc khách hàng trực tiếp (đặt tại CQNN hoặc địa điểm khác).

...

Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương”, nghĩa là:

Người dân và doanh nghiệp có ít nhất một tài khoản đăng nhập vào một hệ thống thông tin (HTTT) của CQNN nào đó, khi đăng nhập vào HTTT này, người đăng nhập được xác thực danh điện tử (bằng hình thức cụ thể như: mật khẩu; chữ ký số,...); việc xác thực này cũng có giá trị trên tất cả các HTTT khác của CQNN các cấp và người dân, doanh nghiệp không cần phải được xác thực danh điện tử bằng hình thức nào khác.

Bảng 3A.1 DANH SÁCH CÁC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

TT	Tên ứng dụng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan xây dựng ứng dụng Đánh dấu [x] vào ô phù hợp		Quy mô sử dụng Đánh dấu [x] vào ô phù hợp		Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác (Có: 1/ Không: 0)
			Ứng dụng do Bộ chuyên ngành xây dựng	Ứng dụng do tỉnh xây dựng	Tại CQNN cấp tỉnh	Toàn tỉnh	
1	Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	x		x		0
2	Cơ sở dữ liệu công chứng và thông tin ngăn chặn	Sở Tư pháp		x		x	0
3	Cơ sở dữ liệu VBPL của tỉnh Tuyên Quang thuộc CSDL quốc gia về văn bản pháp luật	Sở Tư pháp	x			x	1
4	Hệ thống quản lý vụ việc trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	x		x		0
5	Phần mềm Quản lý hộ tịch	Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; UBND các xã, thị trấn	x			x	1
6	Phần mềm Quốc tịch	Sở Tư pháp	x		x		0
7	Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	x			x	0
8	Phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản	Sở Tư pháp	x		x		0
9	Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng	Sở Tư pháp	x		x		0

Bảng PL3A.2: DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 CỦA ĐƠN VỊ

Ghi chú:

- Trường hợp không khai báo thông tin về số lượng hồ sơ tại cột (8), (9) tương ứng với mỗi dịch vụ khai báo được hiểu là không có hồ sơ phát sinh qua DVCTT.
- Cột (5) và cột (6) chỉ dành cho khai báo đối với các DVCTT được thực hiện tại UBND cấp huyện và cấp xã.
- Tỷ lệ tại cột (6) là kết quả của cột (5) chia cho Tổng số UBND (cấp huyện hoặc cấp xã) tương ứng với mỗi dịch vụ.
- Cột (7): đánh dấu "X" nếu DVCTT do Bộ chuyên ngành cung cấp, tỉnh chỉ triển khai sử dụng.

TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Quy mô triển khai, sử dụng			Hiệu quả sử dụng		Dịch vụ có sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động (Có: 1/ Không: 0)
				Số lượng UBND (cấp huyện hoặc cấp xã) đã triển khai, sử dụng	Tỷ lệ UBND (cấp huyện hoặc cấp xã) đã triển khai, sử dụng	DV do Bộ chuyên ngành cung cấp, tỉnh chỉ sử dụng (Đánh dấu [x])	Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết trong năm (tính từ 01/01/2020 đến 30/11/2020)	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến trong năm trên toàn tỉnh (tính từ 01/01/2020 đến 30/11/2020)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI CQNN CẤP TỈNH								
1	Chứng thực	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						0
2	Chứng thực	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
3	Công chứng	Thủ tục chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						0

4	Công chứng	Thủ tục đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						0
5	Luật sư	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						0
6	Quốc tịch	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x			0
7	Quốc tịch	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x			0
8	Quốc tịch	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x	1	1	0
9	Quốc tịch	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x			0
10	Quốc tịch	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x			0
11	Nuôi con nuôi	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x			1
12	Nuôi con nuôi	Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x			2
Tổng số						7	1	1	0

Ghi chú
<i>(11)</i>

Bảng 3A.3: DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Ghi chú:

- Không bao gồm các DVCTT mức độ 3 đã kê khai ở trên.
- Trường hợp không khai báo thông tin về số lượng hồ sơ tại cột (8), (9) tương ứng với mỗi dịch vụ khai báo được hiểu là không có hồ sơ phát sinh qua DVCTT.
- Cột (5) và cột (6) chỉ dành cho khai báo đối với các DVCTT được thực hiện tại UBND cấp huyện và cấp xã.
- Tỷ lệ tại cột (6) là kết quả của cột (5) chia cho Tổng số UBND (cấp huyện hoặc cấp xã) tương ứng với mỗi dịch vụ.
- Cột (7): đánh dấu "X" nếu DVCTT do Bộ chuyên ngành cung cấp, tỉnh chỉ triển khai sử dụng.

TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Quy mô triển khai, sử dụng			Hiệu quả sử dụng	
				Số lượng UBND (cấp huyện hoặc cấp xã) đã triển khai, sử dụng	Tỷ lệ UBND (cấp huyện hoặc cấp xã) đã triển khai, sử dụng	DV do Bộ chuyên ngành cung cấp, tỉnh chỉ sử dụng (Đánh dấu [x])	Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết trong năm (tính từ 01/01/2020 đến 30/11/2020)	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến trong năm trên toàn tỉnh (tính từ 01/01/2020 đến 30/11/2020)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI CQNN CẤP TỈNH							
1	Công chứng	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn				6	
2	Công chứng	Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
3	Công chứng	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
4	Công chứng	Thủ tục đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn				7	
5	Công chứng	Thủ tục cấp lại Thẻ công chứng viên	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
6	Công chứng	Thủ tục thành lập Văn phòng công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn				4	

7	Công chứng	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn				4	
8	Công chứng	Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
9	Công chứng	Thủ tục hợp nhất Văn phòng công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
10	Công chứng	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
11	Công chứng	Thủ tục sáp nhập Văn phòng công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
12	Công chứng	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn				1	
13	Công chứng	Thủ tục chuyển nhượng Văn phòng công chứng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
14	Công chứng	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
15	Chứng thực	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
16	Đấu giá tài sản	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
17	Đấu giá tài sản	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
18	Đấu giá tài sản	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
19	Đấu giá tài sản	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
20	Đấu giá tài sản	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
21	Đấu giá tài sản	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
22	Đấu giá tài sản	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					

23	Hòa giải thương mại	Đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hoà giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
24	Hòa giải thương mại	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hoà giải thương mại	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
25	Hòa giải thương mại	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
26	Hòa giải thương mại	Đăng ký làm hoà giải viên thương mại vụ việc	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					
27	Lý lịch tư pháp	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x	3573	
28	Lý lịch tư pháp	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x		
29	Lý lịch tư pháp	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn			x		
30	Luật sư	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn					

31	Luật sư	Thủ tục đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
32	Quản tài viên	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
33	Quản tài viên	Thủ tục Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
34	Quốc tịch	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
35	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật □	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
36	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
37	Trợ giúp pháp lý	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
38	Trọng tài thương mại	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
39	Trọng tài thương mại	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
40	Tư vấn pháp luật	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn						
		Tổng cộng					0	3,595	0

